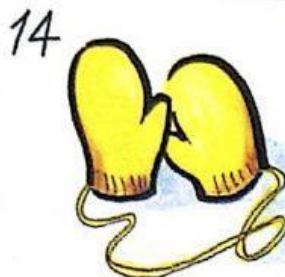
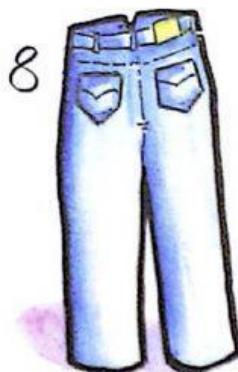
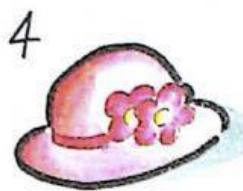
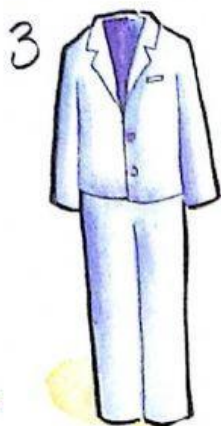


Extra Words



Example

hóng sè de chèn shān
红色的衬衫



mào zi
a) 帽子

shǒu tào
b) 手套

wéi jīn
c) 围巾

pí xié
d) 皮鞋

yùn dòng xié
e) 运动鞋

wǎ zi
f) 袜子

xī zhuāng
g) 西装

lǐng dài
h) 领带